

Bản án số: 01/2018/DS - PT
Ngày: 15 - 01 - 2018
V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2017/QĐ-PT ngày 08/12/2017 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 29/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: xóm 3, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941.

Địa chỉ: xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ NLQ1, sinh năm 1937; địa chỉ: khu M, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ NLQ2, sinh năm 1945; địa chỉ: xóm 5, P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

+ NLQ3, sinh năm 1956; địa chỉ: xóm 15, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

+ NLQ4, sinh năm 1963.

+ NLQ5, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: xóm 3, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

+ NLQ6, sinh năm 1962; địa chỉ: xóm 12, C, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

+ NLQ7, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm 1, D, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.
+ NLQ8, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn B, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội.

+ NLQ9, sinh năm 1979.
+ NLQ10, sinh năm 1976.
+ NLQ11, sinh năm 1977.

Cũng địa chỉ: xóm 2, P, xã H, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam.

+ NLQ12, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm 2, thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà M, NLQ11, NLQ12, NLQ9: LQ10, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8: anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1954; địa chỉ: xóm 3, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

4. Người kháng cáo: NLQ10 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Nguyễn Thị M) trong vụ án.

Phiên toà có mặt: Bà M, NLQ10, anh T, NLQ4, NLQ5, NLQ6. NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ11, NLQ12 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai của nguyên đơn, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C sinh được 07 người con là ông Nguyễn Văn N, NLQ1, bà Nguyễn Thị M, NLQ2, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T và NLQ3. Ông N là liệt sỹ hy sinh ngày 02/11/1966; khi hy sinh, ông N đã có vợ và 04 người con là anh Nguyễn Xuân T, NLQ4, NLQ5 và NLQ6. Bà Nguyễn Thị Q chết ngày 25/01/1996; khi chết bà Q đã có chồng và có 02 người con là NLQ7 và NLQ8. Ông Nguyễn Văn T là liệt sỹ hy sinh ngày 15/3/1971, khi hy sinh ông T chưa có vợ con. Cụ T và cụ C không có con nuôi, không có con riêng. Cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1911, chết ngày 29/10/1998; cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1917, chết ngày 03/01/2006.

Khi chết, cụ T không để lại di chúc. Khối tài sản chung của cụ T và cụ C gồm: Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02 tại xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam với diện tích 1080m² (trong đó 360m² đất thổ cư, 740m² đất vườn). Trên đất có: 01 nhà cấp bốn 05 gian lợp ngói đỏ, 02 gian nhà bếp lợp ngói đỏ, 01 sân gạch đỏ, 01 bể đựng được khoảng 06m³ nước, 01 chuồng lợn và các dụng cụ sinh hoạt trong gia đình như xoong nồi, bát đĩa. Toàn bộ thửa đất và tài sản trên do cụ C trực tiếp quản lý sử dụng. Vì cụ C đã già yếu nên nhiều lần các con, cháu của cụ C đã hợp giao quyền quản lý, sử dụng nhà đất và chăm sóc cụ C cho anh

Nguyễn Xuân T nhưng bà M không đồng ý nên các con, cháu cụ C đã bàn bạc, thống nhất giao cho bà M chăm sóc cụ C, bà M được quyền tăng gia thu hoạch hoa màu trong vườn cùng với số tiền phụ cấp tuổi già cụ C được hưởng hàng tháng để đảm bảo cuộc sống của cụ C. Lợi dụng việc cụ C đã già yếu không còn minh mẫn, năm 2001 bà M tự ý dỡ bỏ nhà cũ, xây một nhà cấp 4 mới nhưng bằng nguyên vật liệu từ ngôi nhà cũ của cụ T, cụ C và đưa vợ chồng NLQ9, NLQ10 đến làm ăn sinh sống trên đất của các cụ.

Anh T khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của cụ T và cụ C là thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02, diện tích 1080m² tại xóm 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T và ngôi nhà cấp bốn ba gian lợp ngói toạ lạc tại thửa đất nêu trên theo pháp luật.

Ngày 07/01/2016, anh T đã có đơn xin rút phần yêu cầu chia ngôi nhà cấp bốn ba gian lợp ngói toạ lạc tại thửa đất trên.

Anh T được NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8 có văn bản uỷ quyền tham gia tố tụng, quyết định mọi nội dung khi tham gia giải quyết vụ án và giao quyền quản lý, sử dụng phần di sản nếu được thừa kế mà không phải thanh toán giá trị bằng tiền, anh T tự nguyện chịu mọi nghĩa vụ và xin sử dụng bằng hiện vật là 1/2 diện tích thửa đất (gồm 1/2 đất thổ cư và 1/2 đất vườn của cụ T và cụ C); 1/2 diện tích đất còn lại anh T đề nghị giao cho bà M vì bà M là cô ruột của anh T và bà M có công chăm sóc cụ C nhiều hơn khi cụ già yếu. Nếu khi phân chia để đảm bảo giá trị sử dụng tài sản trên đất mà anh T được sử dụng đất thừa kế ít hơn thì anh T cũng không yêu cầu bà M phải thanh toán giá trị bằng tiền; nếu được sử dụng đất thừa kế nhiều hơn mà không vào kỹ phần thừa kế của bà M thì anh T không thanh toán chênh lệch giá trị bằng tiền cho bà M.

- Bà M và NLQ10 xác nhận thời gian cụ T và cụ C chết, các con của hai cụ; thời gian ông N, ông T, bà Q chết, các con của ông N và bà Q cũng như nguồn gốc và quá trình quản lý di sản của cụ T và cụ C để lại như nguyên đơn trình bày là đúng.

Trước khi chết, cụ T có để lại giấy uỷ quyền quản lý tài sản cho cụ C, trước khi cụ C chết có để lại giấy uỷ quyền sử dụng đất cho bà M. Sau khi cụ T chết, chỉ có bà M và các con của bà M là NLQ11, NLQ12, NLQ9 và NLQ10 cùng nhau chăm sóc cụ C. Bà M và cụ C cùng quản lý toàn bộ di sản thừa kế của cụ T trong khối tài sản chung với cụ C. Bà M canh tác và thu hoa màu trên thửa đất 1080m² đang tranh chấp để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày cho cụ C. Năm 2001, Nhà nước hỗ trợ cụ C 2.000.000đồng để xoá nhà tranh vách đất, cụ C đã già yếu nên giao quyền xây nhà mới cho bà M và NLQ9, NLQ10. Vợ chồng NLQ9, NLQ10 đã xây 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian lợp ngói đỏ trên đất của cụ T và cụ C. Các con, cháu khác của cụ C không quan tâm chăm sóc cụ, khi cụ C ốm đau cũng không con cháu nào hỏi thăm, chỉ khi cụ C chết thì NLQ3, NLQ1, NLQ2 và các con cháu mới đến. Bà M cùng các con của bà M tự bỏ tiền ra làm đám tang cho cụ C, tiền phúng viếng của cụ C do NLQ3 quản lý. Cụ T và cụ C chết không để lại nghĩa vụ tài chính nào, các cụ đã để lại giấy uỷ quyền cho bà

M quyền sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ nên hai giấy uỷ quyền của cụ T và cụ C mà bà M giao cho NLQ10 nộp tại Toà án là di chúc của cụ T và cụ C. Từ sau khi cụ C chết đến nay, bà M đã quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 1080m² đang tranh chấp nên bà M và người đại diện theo uỷ quyền của bà M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 đã uỷ quyền cho anh T tham gia tố tụng và giao quyền quản lý phần thừa kế nếu được hưởng cho anh T.

+ NLQ3 không đồng ý với ý kiến của NLQ10 tại phiên toà sơ thẩm, hai tờ giấy có nội dung uỷ quyền ghi tên cụ T và cụ C không phải là di chúc vì cụ T và cụ C đều không biết chữ. NLQ3 và bà M đều là con gái của cụ C và ở gần cụ nên khi cụ C già yếu đều phải có nghĩa vụ chăm sóc. Bà M có nhà ở gần cụ C hơn nên đến chăm cụ C nhiều hơn chứ không ai giao cho bà M quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ T và cụ C. Khi bà M dỡ nhà cũ của các cụ để xây nhà cấp 4 mới, tất cả các con cháu của cụ C đều không đồng ý cho bà M làm nhưng bà M cố tình làm. Nay NLQ3 đề nghị chia di sản thừa kế của cụ T và cụ C theo pháp luật và đề nghị giao cho anh T phần thừa kế nếu bà được hưởng, anh T không phải trả giá trị bằng tiền và phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Các nội dung khác NLQ3 đồng ý với ý kiến của anh T.

+ Quan điểm của NLQ10 về phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vợ chồng chị: Trước khi chết, cụ T và cụ C đã có giấy uỷ quyền cho bà M sử dụng thửa đất trên. Bà M cho vợ chồng chị thì anh chị đến ở. Chỉ có bà M cùng chị, NLQ9, NLQ11 và NLQ12 chăm sóc cụ C lúc già yếu ốm đau và mai táng khi cụ C chết. Toàn bộ tài sản trên đất hiện nay gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian lợp ngói đỏ, 01 nhà vệ NLQ6 xây gạch bê tông, 01 chuồng lợn, 01 sân bê tông, 01 ngõ bê tông, 02 bức tường bao phía Nam và phía Bắc cùng cây cối hoa màu trên đất. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Nếu anh T được chia phần đất của cụ T và cụ C thì tài sản của vợ chồng chị có trên phần đất chia cho anh T sẽ phải thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng chị theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 14/01/2016. Nếu bà M được chia phần đất mà trên đất có tài sản của vợ chồng chị thì chị không yêu cầu bà M phải thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng chị vì hiện nay toàn bộ nhà đất và các tài sản trên thửa đất này bà M và vợ chồng chị vẫn quản lý, sử dụng NLQ5.

Các đương sự còn xác định: Di sản thừa kế của hai cụ còn có: 2.000.000đồng tiền Nhà nước hỗ trợ hộ cụ C xoá nhà tranh vách đất năm 2011 đã được vợ chồng NLQ9, NLQ10 sử dụng để thêm vào xây nhà cấp 4 trên đất hiện nay, 01 cây hồng xiêm to ở phía gần ngõ đi, 01 bể đựng nước ăn cũ, 01 khoảng sân gạch cũ đã dỡ bỏ một phần. Tất cả các đương sự đều không yêu cầu chia phần di sản này.

Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết phần chi phí mai táng cho cụ C, công chăm sóc cụ C khi già yếu, công quản lý di sản thừa kế và tiền phúng viếng của cụ C.

Theo kết quả định giá thì giá trị thửa đất là: 324.000.000đồng, tài sản trên đất là 18.092.300đồng.

Anh T tự nguyện nộp toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 5.500.000đồng.

Từ những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 609, 613, 623, 633, 634, 649, 650, 651, 652, 660, 627, 631 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

1. 01 văn bản ghi Giấy uỷ quyền người viết ghi tên Nguyễn Văn T và 01 văn bản ghi giấy uỷ quyền sử dụng nhà đất người viết ghi tên Nguyễn Thị C do NLQ10 xuất trình không phải là di chúc.

2. Đình chỉ yêu cầu chia ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02 tại xóm 2 P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tết và cụ Nguyễn Thị Cạc là 1044m² đất có giá trị 316.800.000 (ba trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn) đồng được chia theo pháp luật.

4. Cụ Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N, NLQ1, bà Nguyễn Thị M, NLQ2, bà Nguyễn Thị Q và NLQ3 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C.

Anh Nguyễn Xuân T, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Nhất.

NLQ7 và NLQ8 là người thừa kế thế vị bà Nguyễn Thị Quý.

a. Giao anh Nguyễn Xuân T được quyền sở hữu và sử dụng:

* Diện tích 180m² đất ở và 344m² đất vườn tại thửa đất số 100 tờ bản đồ số 02 tại xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam trị giá 158.800.000 đồng.

* Các tài sản của NLQ9 và NLQ10 có trên đất hiện NLQ9 và NLQ10 đang quản lý: 31m² ngõ bê tông trị giá: 3.410.000đồng; 02 trụ cổng trị giá: 1.278.000đồng; 13,29m tường bao phía Nam trị giá: 2.270.800.đồng; 16,21m tường bê tông phía Bắc trị giá: 3.886.000đồng; 01 bể lọc trên bê nhỏ cũ: 121.000đồng; 01 giếng khoan trị giá: 1.000.000đồng; 02 cây mít trị giá:

700.000đồng; 01 cây ổi trị giá: 360.000đồng; 04 cây xoan trị giá: 1.710.000đồng; 01 cây sấu trị giá: 80.000đồng; 01 cây xoài trị giá 80.000đồng; 01 cây cau trị giá 195.000đồng; 535,5m² lá dong trị giá 2.677.500đồng và 03 bụi chuối trị giá 324.000đồng. Riêng 02 cánh công là tài sản tháo dỡ được nên NLQ10 và NLQ9 có trách nhiệm tháo dỡ khi giao đất cho anh T.

* Tạm giao anh Nguyễn Xuân T quản lý 36m² đất tiêu chuẩn của liệt sỹ Tuất trị giá 7.200.000 đồng và di sản thừa kế của cụ T và cụ C không chia là: 01 bể đựng nước ăn cũ trị giá 121.000 đồng; 01 cây hồng xiêm trị giá 750.000đồng, 01 sân gạch đã dỡ bỏ một phần 286.000 đồng. (Các tài sản này NLQ9, NLQ10, bà M đang cùng quản lý).

Các cạnh phần đất giao và tạm giao cho anh T như sau:

- Phía Đông giáp đất hộ ông Đỗ Văn L và Đỗ Văn L chiều dài 34,55m.
- Phía Tây giáp với phần đất giao cho bà M có chiều dài 33,8m.
- Phía Nam giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 16,54m.
- Phía Bắc được xác định giáp với ngõ xóm có chiều dài 16,21m.

(Có trích lục bản đồ kèm theo).

b. Giao bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu và sử dụng:

* Diện tích 180m² đất ở và 340m² đất vườn tại thửa đất số 100 tờ bản đồ số 02 tại xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam trị giá 158.000.000 đồng cùng các tài sản mà vợ chồng NLQ9, NLQ10 có trên đất giao cho bà M (do bà M, NLQ9 và NLQ10 đang quản lý).

* Các cạnh phần đất giao cho bà M như sau:

- Phía Tây giáp đất hộ ông N được xác định có chiều dài 34,43m.
- Phía Đông giáp phần đất giao cho anh T được xác định có chiều dài 33,8m.
- Phía Nam giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 16,16m.
- Phía Bắc giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 15,78m.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ T và cụ C, anh Nguyễn Xuân T được hưởng về giá trị di sản là 158.800.000 đồng; bà Nguyễn Thị M được hưởng về giá trị di sản là 158.000.000 đồng.

c. Về nghĩa vụ:

Anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ thanh toán trả NLQ9 và NLQ10 số tiền 18.092.300đồng (Mười tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 7.940.000 (Bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 7.900.000 (Bảy triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 13.200.000 đồng biên lai số AA/2010/01435 ngày 15/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Đối trừ (13.200.000 đồng - 7.940.000 đồng) án phí chia di sản thừa kế của anh T, anh T được nhận lại là 5.260.000 (năm triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

Ngày 14/9/2017, NLQ10 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ10 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm của bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của NLQ10, thấy:

- Về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp và tính hợp pháp của di chúc: Diện tích đất 1080m² (trong đó 360m² đất thổ cư và 740m² đất vườn) thuộc thửa số 100, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xóm 02, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Nguyễn Văn T là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C. Trên đất có 01 nhà cấp bốn 03 gian lợp ngói đỏ, 02 gian nhà bếp lợp ngói đỏ, 01 sân gạch đỏ, 01 bể đựng được khoảng 06m³ nước, 01 chuồng lợn cùng các dụng cụ sinh hoạt trong gia đình như xoong nồi, bát đĩa. Ngày 29/10/1998, cụ Nguyễn Văn T chết, toàn bộ thửa đất và tài sản nêu trên do cụ C trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 03/01/2006, cụ C chết. Tính đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử vụ án vẫn còn trong thời hiệu. Theo bà M, NLQ11, NLQ10 và NLQ9 thì trước khi chết, cụ T và cụ C có để lại di chúc là 02 giấy uỷ quyền sử dụng nhà đất gồm 01 giấy uỷ quyền đề ngày 2-7-1992 ghi tên người viết là Nguyễn Văn T với nội dung uỷ quyền thừa hưởng gia tài của hai cụ cho cụ C nếu cụ T chết trước cụ C, giấy này do cụ C đưa cho bà M, bà M nghĩ là cụ T viết; 01 giấy uỷ quyền sử dụng nhà ở và ruộng

vườn cho con đẻ ngày 2-8-1999 ghi tên người làm giấy là Nguyễn Thị C có 02 dấu vân tay và viết tên NLQ2, giấy này do anh Bảy là con rể của NLQ2 viết hộ tại nhà NLQ3, có sự chứng kiến của cụ C, NLQ3, NLQ2 và chị NLQ10. Cụ C đã điền chỉ, anh B ký hộ NLQ2, những người khác không ký. Bà M và NLQ10 cho rằng, bà M đã được cụ C uỷ quyền thừa kế toàn bộ nhà đất đang tranh chấp nêu trên.

Căn cứ vào các Điều 627, 631, 633 và 634 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định 02 giấy uỷ quyền này không đảm bảo về hình thức và nội dung của một di chúc nên 02 giấy uỷ quyền này không phải là di chúc. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định, chia di sản thừa kế của cụ T và cụ C theo pháp luật.

- Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ C gồm: Ông Nguyễn Văn N, NLQ1, bà Nguyễn Thị M, NLQ2, bà Nguyễn Thị Q, NLQ3. Do ông N và bà Q chết trước cụ T nhưng bà Q và ông N đều có con nên các con của ông N là người thừa kế thế vị và được hưởng kỹ phần thừa kế của ông N; các con của bà Q là người thừa kế thế vị, được hưởng kỹ phần thừa kế của bà Q; ông Nguyễn Văn T là liệt sỹ (hy sinh năm 1971), khi hy sinh ông T không có vợ con nên không được thừa kế di sản của hai cụ.

Cụ T và cụ C là vợ chồng, khối tài sản của 02 cụ được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất, mỗi người được 1/2 khối tài sản. Từ khi cụ T chết đến khi cụ C chết, phần di sản thừa kế của các cụ chưa phân chia nên toàn bộ di sản thừa kế của cụ T và cụ C được chia cho 06 người con trong hàng thừa kế là phù hợp.

- Về di sản thừa kế: Ông Nguyễn Văn T là liệt sỹ, khi hy sinh chưa có vợ con nên không được hưởng thừa kế di sản của cụ T và cụ C, song ông T được hưởng tiêu chuẩn đất của liệt sỹ là $36m^2$. Như vậy, di sản của cụ T và cụ C để lại là $1080m^2 - 36m^2 = 1044m^2$ đất = $316.800.000$ đồng được chia đều cho 06 người trong hàng thừa kế như đất thổ cư $360m^2 \times 500.000$ đồng/ m^2 : 06 người = $60m^2 = 30.000.000$ đồng; đất vườn $684m^2 \times 200.000$ đồng/ m^2 : 06 người = $114m^2 = 22.800.000$ đồng; các con của ông N được thừa kế thế vị của ông N nên kỹ phần thừa kế của ông N được chia đều cho 04 người con là đất thổ cư $60m^2 \times 500.000$ đồng/ m^2 : 04 người = $15m^2 = 7.500.000$ đồng, đất vườn $114m^2 \times 200.000$ đồng/ m^2 : 04 người = $28,5m^2 = 5.700.000$ đồng; các con của bà Q được thừa kế thế vị của bà Q nên kỹ phần thừa kế của bà Q được chia đều cho 02 người con là đất thổ cư $60m^2 \times 500.000$ đồng/ m^2 : 02 người = $30m^2 = 15.000.000$ đồng; đất vườn $114m^2 \times 200.000$ đồng/ m^2 : 2 người = $57m^2 = 11.400.000$ đồng.

Giá trị phần đất tiêu chuẩn của liệt sỹ Nguyễn Văn T là: $36m^2$ đất vườn x 200.000 đồng/ $m^2 = 7.200.000$ đồng.

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã uỷ quyền giao toàn bộ kỹ phần thừa kế nếu được hưởng cho anh Nguyễn Xuân T, anh T có quyền quyết định các nội dung khi giải quyết vụ án. Anh T tự nguyện có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ và nhận hưởng thừa kế là 1/2

diện tích đất nêu trên (trong đó 1/2 diện tích đất thổ cư và 1/2 diện tích đất vườn) của cụ T và cụ C, nếu được sử dụng đất thừa kế nhiều hơn mà không vào kỹ phần thừa kế của bà M thì anh T sẽ không thanh toán giá trị chênh lệch bằng tiền cho bà M. Các nội dung này là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét chia hiện vật: Để đảm bảo giá trị và hiện trạng sử dụng đất cũng như nguyện vọng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, do NLQ9 và NLQ10 đã kiến thiết nhà cấp 4 trên đất và ở ổn định từ năm 2002 đến nay nên giao diện tích đất ở phía Đông giáp đất hộ ông Đỗ Văn L và Đỗ Văn L cho anh T sử dụng, giao diện tích đất ở phía Tây giáp đất hộ ông Nguyễn Cao N cho bà M sử dụng là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đối với 36m² đất tiêu chuẩn của liệt sỹ Nguyễn Văn T, NLQ1, NLQ2, NLQ3 là anh chị em ruột của ông T đều có ý kiến giao quyền quản lý, sử dụng cho anh T nên Hội đồng xét xử giao 36m² đất tiêu chuẩn này cho anh T quản lý, sử dụng là phù hợp.

[4] Đối với tài sản của NLQ9 và NLQ10 có trên phần đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02 sau khi giao cho bà M thì bà M không phải thanh toán giá trị tài sản cho NLQ9 và NLQ10; tài sản của NLQ9 và NLQ10 có trên phần đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02 sau khi giao cho anh T thì anh T phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho NLQ9 và NLQ10.

Đối với yêu cầu chia ngôi nhà cấp bốn ba gian lợp ngói tọa lạc tại thửa đất đang tranh chấp, anh T giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm là xin rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với di sản thừa kế của cụ T và cụ C là 2.000.000đồng tiền Nhà nước hỗ trợ hộ cụ C xoá nhà tranh vách đất, 01 cây hồng xiêm, 01 bể đựng nước ăn cũ, 01 khoảng sân gạch cũ đã dỡ bỏ một phần cũng như công quản lý di sản, chi phí mai táng, chi phí cải táng: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Anh T giữ nguyên ý kiến, tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 5.500.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà M nộp đơn (thông qua NLQ10) có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bà là vợ của liệt sỹ thuộc gia đình có công với cách mạng, mặt khác bản thân bà M đến nay đã 77 tuổi thuộc đối tượng người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên cấp phúc thẩm chấp nhận M toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị M. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M (do NLQ10 đại diện theo ủy quyền) không phải chịu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự của bà Nguyễn Thị M, các yêu cầu kháng cáo khác không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 609, 613, 623, 627, 631, 633, 634, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu M, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T.

1. Xác định: 01 văn bản ghi Giấy uỷ quyền người viết ghi tên Nguyễn Văn T và 01 văn bản ghi giấy uỷ quyền sử dụng nhà đất người viết ghi tên Nguyễn Thị C do NLQ10 xuất trình không phải là di chúc.

2. Đình chỉ yêu cầu chia ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02 tại xóm 2 P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam của anh Nguyễn NLQ7 T.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C là 1044m² đất có giá trị 316.800.000 (Ba trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn) đồng được chia theo pháp luật.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị C gồm: Ông Nguyễn Văn N, NLQ1, bà Nguyễn Thị M, NLQ2, bà Nguyễn Thị Q và NLQ3.

Anh Nguyễn Xuân T, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Nh.

NLQ7 và NLQ8 là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Q.

a. Giao anh Nguyễn Xuân T được quyền sở hữu và sử dụng:

* Diện tích 180m² đất ở và 344m² đất vườn tại thửa đất số 100 tờ bản đồ số 02 tại xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam trị giá 158.800.000 đồng.

* Các tài sản của NLQ9 và NLQ10 có trên đất hiện NLQ9 và NLQ10 đang quản lý: 31m² ngõ bê tông trị giá: 3.410.000đồng; 02 trụ cổng trị giá: 1.278.000đồng; 13,29m tường bao phía Nam trị giá: 2.270.800.đồng; 16,21m tường bê tông phía Bắc trị giá: 3.886.000đồng; 01 bể lọc trên bể nhỏ cũ: 121.000đồng; 01 giếng khoan trị giá: 1.000.000đồng; 02 cây mít trị giá: 700.000đồng; 01 cây ôi trị giá: 360.000đồng; 04 cây xoan trị giá: 1.710.000đồng; 01 cây sấu trị giá: 80.000đồng; 01 cây xoài trị giá 80.000đồng; 01 cây cau trị giá 195.000đồng; 535,5m² lá dong trị giá 2.677.500đồng và 03 bụi chuối trị giá 324.000đồng. Riêng 02 cánh cổng là tài sản tháo dỡ được nên NLQ10 và NLQ9 có trách nhiệm tháo dỡ khi giao đất cho anh T.

* Giao anh Nguyễn Xuân T quản lý 36m² đất tiêu chuẩn của liệt sỹ T trị giá 7.200.000đồng và di sản thừa kế của cụ T và cụ C không chia là: 01 bể đựng nước ăn cũ trị giá 121.000đồng; 01 cầu hồng xiêm trị giá 750.000đồng, 01 sân gạch đã dỡ bỏ một phần 286.000đồng (Các tài sản này anh NLQ9, NLQ10, bà M đang cùng quản lý).

Các cạnh phần đất giao cho anh T như sau:

- Phía Đông giáp đất hộ ông Đỗ Văn L và Đỗ Văn L chiều dài 34,55m.
- Phía Tây giáp với phần đất giao cho bà M có chiều dài 33,8m.
- Phía Nam giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 16,54m.
- Phía Bắc được xác định giáp với ngõ xóm có chiều dài 16,21m.

(Có trích lục bản đồ kèm theo).

b. Giao bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu và sử dụng:

* Diện tích 180m² đất ở và 340m² đất vườn tại thửa đất số 100 tờ bản đồ số 02 tại xóm 2, P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam trị giá 158.000.000 đồng cùng các tài sản mà vợ chồng NLQ9, NLQ10 có trên đất giao cho bà M (do bà M, NLQ9 và NLQ10 đang quản lý)

* Các cạnh phần đất giao cho bà M như sau:

- Phía Tây giáp đất hộ ông N được xác định có chiều dài 34,43m.
- Phía Đông giáp phần đất giao cho anh T được xác định có chiều dài 33,8m.
- Phía Nam giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 16,16m.
- Phía Bắc giáp ngõ xóm được xác định có chiều dài 15,78m.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ T và cụ C, anh Nguyễn Xuân T được hưởng về giá trị di sản là 158.800.000 đồng; bà Nguyễn Thị M được hưởng về giá trị di sản là 158.000.000 đồng .

c. Về nghĩa vụ: Anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ thanh toán trả NLQ9 và NLQ10 số tiền 18.092.300đồng (Mười tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 7.940.000 (Bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 13.200.000 đồng theo biên lai số AA/2010/01435 ngày 15/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Đối trừ (13.200.000 đồng - 7.940.000 đồng) án phí chia di sản thừa kế của anh T, anh T được nhận lại là 5.260.000 (Năm triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M (do NLQ10 đại diện theo ủy quyền) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị M (do NLQ10 đại diện theo ủy quyền) số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, NLQ10 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/03853 ngày 26/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San